

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-PT
Ngày 29 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Mỹ

Các Thẩm phán: Ông Trần Quang Khang

Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trần Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thục Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 08/2022/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Lâm Thanh H cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 108/2021/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Lâm Thanh H**, sinh năm 1982; Tên gọi khác: Cu; Nơi sinh: Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Số A/BK, khóm TK.B, Phường X, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Văn Ch, sinh năm 1934 (đã chết) và bà Thái Kim L, sinh năm 1943; Vợ Trịnh Ngọc Q, sinh năm 1983; Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 24/7/2020 đến ngày 01/8/2020 cho tại ngoại đến nay. “có mặt”

2. **Ngô Phước H1**, sinh năm 1974; Tên gọi khác: Tèo; Nơi sinh: Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Khóm A, phường X, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Kim Ch1, sinh năm 1946 (đã chết); Con bà Trương Thị B, sinh năm 1948; Vợ Trần Kim Ph, sinh năm 1972; Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại “có mặt”

3. **Trần Kim H2**, sinh năm 1972; Nơi sinh: Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Số D/PL, khóm TK.B, phường X, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc

Liêu; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Kim L1, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1944 (đã chết); Vợ Tạ Bích H3, sinh năm 1974; Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại “có mặt”

4. **Tăng Thị Kiều O**, sinh năm 1967; Nơi sinh: Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Khóm TK.B, phường X, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tăng Văn B1, sinh năm 1940 và bà Lâm Thị T3, sinh năm 1948; Chồng Hồ Văn N, sinh năm 1969; Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại “có mặt”

5. **Lư Thị Mỹ D**, sinh năm 1985; Tên gọi khác: Gi; Nơi sinh: Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Số SGZ, khóm TK, phường X, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lư Văn T4, sinh năm 1964 và bà Lâm Thị Thu H4, sinh năm 1965; Chồng Châu Minh T5, sinh năm 1984; Con Châu Minh Th, sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại “có mặt”.

6. **Trần Văn T**, sinh năm 1969; Nơi sinh: Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; ĐKKHKT: Số BNV, khóm T, phường K, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Số XC, khóm A, phường T, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn L2, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Trần Thị T6, sinh năm 1950; Vợ Trần Thị Mỹ L3, sinh năm 1969; Con Trần Quỳnh Tr, sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại “có mặt”

7. **Đoàn Thị Kim Th**, sinh năm 1977; Nơi sinh: Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Số KKLK/X, khóm R, phường R, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn Q1 sinh năm 1939 (đã chết) và bà Bùi Thị H5, sinh năm 1944 (đã chết); Chồng Lê Hoàng S, sinh năm 1968; Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại “có mặt”

8. **Trương Văn T1**, sinh năm 1992; Nơi sinh: Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Số RR/ABB, Khóm TK.B, phường X, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn H6, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ch2, sinh năm 1969; Vợ Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1989; Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại “vắng mặt”

Các bị cáo không kháng cáo:

1. **Hồ Văn T2**, sinh năm 1973; Nơi sinh: Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Số AG/L, khóm B, phường K, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;

2. **Nguyễn Thị D2**, sinh năm 1951; Nơi sinh: Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Số AFC/C, khóm B, phường K, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì muốn kiếm thêm thu nhập, Ngô Phước H1 cho Lâm Thanh H sử dụng căn nhà số SS, đường Võ Thị Sáu, Khóm A, phường X, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu của H1 để tổ chức cho người khác đánh bạc. H có trách nhiệm rủ rê những người đánh bạc đến nhà của H1 tham gia đánh bạc; còn H1 có nhiệm vụ canh gác và bán thức ăn cho người đánh bạc.

Hình thức H tổ chức đánh bạc là đánh bài binh sáu lá (hay gọi là binh Ấn Độ), người đánh bạc sử dụng bộ bài tây nhưng bỏ các quân bài J, Q và K ra, chỉ sử dụng các lá bài có nút từ 1 đến 10. Hình thức đánh bạc gồm một tụ nhà cái và ba tụ đặt, các tụ đặt thắng thua trực tiếp với tụ nhà cái, những người không ngồi tụ thì ké tụ đặt hoặc thành nhà cái. Sau khi binh xong, nhà cái xét bài để tính thắng thua với người đánh bạc. Mỗi ván bài, ai thắng phải bỏ tiền vào cái hộp giấy do H chuẩn bị sẵn số tiền từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng.

Khoảng 11 giờ ngày 23/7/2020, H tổ chức và cùng tham gia đánh bạc với Trần Kim H2, Trương Văn T1, Nguyễn Thị D2, Trần Văn T tại nhà của H1 ở địa chỉ nói trên. Một lúc sau, Tăng Thị Kiều O, Lư Thị Mỹ D, Hồ Văn T2, Đoàn Thị Kim Th lần lượt chạy xe đến để đánh bạc thì H1 mở cửa dẫn vào. Trong lúc chơi đánh bạc, H vừa đánh bạc vừa phục vụ ăn, uống cho những người tham gia đánh bạc khác còn H1 ngồi trước nhà canh gác. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu vào bắt quả tang các đối tượng nêu trên đang có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 2.670.000đ; xung quanh chiếu bạc số tiền 5.800.000đ, thu giữ trên người các đối tượng số tiền 137.560.000đ và các tang vật có liên quan.

Qua điều tra, cấp sơ thẩm đã xác định tổng số tiền mà Lâm Thanh H, Lư Thị Mỹ D, Đoàn Thị Kim Th, Trương Văn T1, Hồ Văn T2, Trần Kim H2, Trần Văn T, Tăng Thị Kiều O và Nguyễn Thị D2 đã dùng và sẽ dùng vào việc đánh bạc 38.570.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: thu giữ nhiều điện thoại di động; 539 lá bài tây; số tiền 135.810.000 đồng đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu theo quy định.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Lâm Thanh H, Ngô Phước H1, Lư Thị Mỹ D, Nguyễn Thị D2, Tăng Thị Kiều O, Trần Văn T, Trần Kim H2, Hồ Văn T2, Trương Văn T1 và Đoàn Thị Kim Th thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 108/2021/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lâm Thanh H (tên gọi khác: Cu) phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”.

Căn cứ Điều 17, khoản 1 Điều 321 và điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Lâm Thanh H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”; Xử phạt Lâm Thanh H 07 (bảy) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội đối với Lâm Thanh H là 02 (hai) năm 01 (một) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 24/7/2020 đến ngày 01/8/2020.

2. Tuyên bố bị cáo Ngô Phước H1 (Tên gọi khác: Tèo) phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ Điều 17, điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Ngô Phước H1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Tuyên bố các bị cáo Lư Thị Mỹ D (tên gọi khác: Giàu), Tăng Thị Kiều O, Trần Kim H2, Trần Văn T, Nguyễn Thị D2, Hồ Văn T2, Trương Văn T1 và Đoàn Thị Kim Th phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt **Lư Thị Mỹ D** 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt **Tăng Thị Kiều O** 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt **Trần Kim H2** 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt **Trần Văn T** 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: **Xử phạt Hồ Văn T2** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: **Xử phạt Trương Văn T1** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: **Xử phạt Đoàn Thị Kim Th** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm i, s, o khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: **Xử phạt Nguyễn Thị D2** 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án (ngày 06/12/2021).

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền 32.920.000đ; Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202-2, loại phím số, có số seri 356913034872295, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 539 lá bài tây đã qua sử dụng và hai bộ bài tây chưa qua sử dụng; Một miếng niêm trên có hình bông hoa màu xanh – tím, đã qua sử dụng, dùng làm chiếu bạc; Sim số 0919344442.

Trả lại cho các bị cáo các tài sản như sau:

- Đoàn Thị Kim Th: Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen, loại Oppo Reno3, số kiểu máy CPH2043, số IMEI (khe1) 860202041343493, số IMEI (khe1) 860202041343485, có gắn sim thuê bao số 0916038676 có gắn ốp lưng bằng nhựa màu trắng trong suốt, đã qua sử dụng và số tiền 16.500.000đ;

- Hồ Văn T2: Điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu đỏ - đen, loại phím số, có số IMEI1: 354791090784105, số IMEI2: 354791090784113, gắn sim thuê bao số 0814359919, đã qua sử dụng;

- Lâm Thanh H: Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung loại galaxy A10s, màu đen, có gắn ốp lưng bằng nhựa màu đỏ, số kiểu máy SM-A170F/DS, số seri R9WM91BG5CJ, số IMEI (khe1) 351581119510323, số IMEI (khe1) 351582119510321, có gắn sim thuê bao số 0585362642 và 0918885252, đã qua sử dụng và số tiền 10.000.000đ;

- Lư Thị Mỹ D: Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen, loại A5 2020, kiểu máy CPH1931, gắn sim thuê bao số 0944676990 và đã qua sử dụng;

- Nguyễn Thị D2: Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A3s, màu tím - đen, có gắn ốp lưng bằng nhựa màu đen, số kiểu máy CPH1805, có gắn sim thuê bao số 0838825411, đã qua sử dụng và số tiền 19.200.000đ;

- Tăng Thị Kiều O: Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại phím số, có số IMEI1: 357693109462250, số IMEI2: 357693109942251, gắn sim thuê bao số 0941131272, đã qua sử dụng và số tiền 29.500.000đ;

- Trần Kim H2: Điện thoại di động nhãn hiệu Vell – com , màu xanh – đen, loại phím số, có số IMEI1: 865713020701019, số IMEI2: 865713020701027, gắn sim thuê bao số 0848594894, đã qua sử dụng;

- Trần Văn T: Điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, loại B218, màu đen, không có bàn phím, có gắn sim thuê bao số 0949110435, đã qua sử dụng;

- Trương Văn T1: Điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6, màu bạc, có số máy MG492J/4, số sê ri C7JNG08G5MQ, gắn sim thuê bao số 0824966055, đã qua sử dụng;

- Ngô Phước H1: Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại N1280, số sê-ri 356338053769431, có gắn sim thuê bao số 0949222322, đã qua sử dụng và số tiền 27.690.000đ.

Tổng số tiền trả lại cho các bị cáo là 102.890.000đ.

Các vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 03 năm 2021 và biên lai thu tiền ngày 12 tháng 3 năm 2021.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 và 17/12/2021, các bị cáo kháng cáo:

- Lâm Thanh H, Ngô Phước H1, Trần Văn T, Tăng Thị Kiều O, Đoàn Thị Kim Th và Lư Thị Mỹ D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

- Trương Văn Tiễn kháng cáo xin hưởng án treo

- Trần Kim H2 cho rằng chỉ dùng số tiền 3.200.000đ vào việc đánh bạc, còn 10 triệu đồng là tiền làm ăn của vợ nên xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: bị cáo Trương Văn T1 đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, xét thấy việc vắng mặt bị cáo Tiễn là không làm ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt đối với bị cáo Trương Văn T1. Về nội dung vụ án: đối với tội “Đánh bạc”, quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã quy kết trách nhiệm các bị cáo với số tiền phạm tội là 38.570.000đ là chưa đánh giá đúng sự thật khách quan của vụ án; bởi lẽ, cách tính tiền quy kết trách nhiệm hình sự trong vụ án này là có sự mâu thuẫn lẫn nhau, chưa nhất quán nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa lại phần tiền quy kết trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là 32.920.000đ. Về hình phạt: cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đưa ra mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo; tại phiên tòa các bị cáo không có phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo nộp đúng về thể thức và thời hạn cho nên Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 344 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Bị cáo Trương Văn T1 đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do; xét thấy, việc vắng mặt bị cáo là không do trở ngại khách quan và không ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt đối với bị cáo Trương Văn T1.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận: vào ngày 23/7/2020, các bị cáo đã cùng nhau sát phạt thắng thua bằng tiền với hình thức chơi bài binh 06 lá (còn gọi là binh Ấn Độ) mà cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ xác định cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật hình sự Việt Nam.

[4] Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã quy kết số tiền mà các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là chưa chính xác, do đó cấp phúc thẩm xem xét lại nhằm đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể: số tiền bắt trên chiếu bạc và xung quanh chiếu bạc là 8.470.000đ; ngoài ra còn chứng minh được số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc: O sử dụng số tiền 2.200.000đ; D2 sử dụng số tiền 700.000đ; T1 sử dụng số tiền 300.000đ; H sử dụng số tiền 500.000đ; D sử dụng số tiền 1.050.000đ; Th sử dụng 500.000đ; T2 sử dụng 6.000.000đ; riêng đối với bị cáo Trần Kim H2 thì quá trình điều tra bị cáo khai nhận sử dụng số tiền 13.200.000đ vào việc đánh bạc, quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị cáo cho rằng bị cáo chỉ sử dụng số tiền 3.200.000đ vào việc đánh bạc, còn số tiền 10.000.000đ bị cáo để riêng – đây là tiền của vợ chồng dùng vào việc mua bán không có liên quan đánh bạc, nếu thua hết 3.200.000đ thì sẽ dùng số tiền 10.000.000đ vào việc đánh bạc; xét thấy việc chứng minh tội phạm là trách nhiệm của cơ quan điều tra, nhưng vấn đề này chỉ có lời khai của bị cáo, ngoài ra không còn chứng cứ chứng minh bị cáo đã sử dụng số tiền 13.200.000đ vào việc đánh bạc. Đồng thời, Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*Hướng dẫn về việc áp dụng một số quy định tại Điều 248, Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009*” đã hết hiệu lực pháp luật kể từ ngày 08/10/2021. Do đó, cấp sơ thẩm quy kết số tiền 10.000.000đ mà bị cáo H2 sẽ tham gia đánh bạc là không đúng theo quy định của pháp luật hình sự, mà có căn cứ chấp nhận bị cáo đã dùng 3.200.000đ vào việc đánh bạc. Như vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền dùng vào việc đánh bạc 22.920.000đ. Cho nên, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[5] Đối với tội “Tổ chức đánh bạc”: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo H đã phân công vai trò cho bị cáo H1 bán thức ăn, canh gác và mở cửa cho các đối tượng đánh bạc vào tham gia đánh bạc. Đồng thời, số tiền các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc trong cùng một lúc trên 20.000.000đ; vì vậy hành vi của bị cáo H

và bị cáo H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

[6] Mặc dù số tiền quy kết trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc của các bị cáo đã được giảm đi nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới cho nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo.

[7] Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần ý kiến của vị kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là giữ nguyên quyết định hình phạt đối với các bị cáo như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; cũng như chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Kim H2 về số tiền chịu trách nhiệm hình sự.

[8] Xét thấy số tiền 10.000.000đ của Trần Kim H2 không liên quan đến việc đánh bạc, Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[9] Ngoài ra, các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm do không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo Lâm Thanh H, Ngô Phước H1, Lư Thị Mỹ D, Tăng Thị Kiều O, Trần Văn T, Trương Văn T1 và Đoàn Thị Kim Th không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Kim H2 được chấp nhận một phần vì vậy bị cáo không phải chịu nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Lâm Thanh H, Ngô Phước H1, Lư Thị Mỹ D, Tăng Thị Kiều O, Trần Văn T và Đoàn Thị Kim Th; không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trương Văn T1.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Kim H2 về số tiền chịu trách nhiệm hình sự; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Trần Kim H2.

Giữ nguyên hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 108/2021/HSST ngày 06/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố bị cáo Lâm Thanh H (tên gọi khác: Cu) phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”.

Căn cứ Điều 17, khoản 1 Điều 321 và điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Lâm Thanh H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội đối với Lâm Thanh H là 02 (hai) năm 01 (một) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 24/7/2020 đến ngày 01/8/2020.

2. Tuyên bố bị cáo Ngô Phước H1 (Tên gọi khác: Tèo) phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ Điều 17, điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Ngô Phước H1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Tuyên bố các bị cáo Lư Thị Mỹ D (tên gọi khác: Giàu), Tăng Thị Kiều O, Trần Kim H2, Trần Văn T, Trương Văn T1 và Đoàn Thị Kim Th phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt **Lư Thị Mỹ D** 07 (bảy) tháng tù.

Xử phạt **Tăng Thị Kiều O** 07 (bảy) tháng tù.

Xử phạt **Trần Kim H2** 07 (bảy) tháng tù.

Xử phạt **Trần Văn T** 07 (bảy) tháng tù.

Xử phạt **Trương Văn T1** 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt **Đoàn Thị Kim Th** 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 22.920.000đ (Hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

Trả lại cho bị cáo Trần Kim H2 số tiền 10.000.000đ.

(Số tiền nêu trên đang được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu quản lý theo biên lai thu tiền ngày 12 tháng 3 năm 2021)

5. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

6. Về án phí:

6.1 Các bị cáo Lâm Thanh H, Ngô Phước H1, Lư Thị Mỹ D, Tăng Thị Kiều O, Trần Văn T, Trương Văn T1 và Đoàn Thị Kim Th; mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

6.2 Bị cáo Trần Kim H2 không phải chịu nộp án phí hình sự phúc thẩm
Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND TP. Bạc Liêu (08 bản);
- CQĐT TP. Bạc Liêu (01 bản);
- Chi cục THA dân sự TP. Bạc Liêu (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

Châu Văn Mỹ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Khang

Tăng Trần Quỳnh Phương

Châu Văn Mỹ

